

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HUỆ

**PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CẦM CỐ  
CHỨNG KHOÁN TẠI CÁC NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM**

*Chuyên ngành: Luật Kinh tế*  
*Mã số: 60 38 01 07*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. LÊ THỊ THU THỦY**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2015*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các bảng

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG CẦM CỔ CHỨNG KHOÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b> .....	6
<b>1.1. Khái niệm, đặc điểm cầm cố chứng khoán</b> .....	6
1.1.1. Khái niệm cầm cố chứng khoán .....	6
1.1.2. Đặc điểm cầm cố chứng khoán.....	8
<b>1.2. Vai trò của hoạt động cầm cố chứng khoán</b> .....	10
<b>1.3. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng cầm cố chứng khoán</b> .....	12
1.3.1. Khái niệm hợp đồng cầm cố chứng khoán .....	12
1.3.2. Đặc điểm hợp đồng cầm cố chứng khoán.....	13
<b>1.4. Các chủ thể tham gia hợp đồng cầm cố chứng khoán</b> .....	14
1.4.1. Bên cầm cố.....	14
1.4.2. Bên nhận cầm cố .....	16
<b>1.5. Khái niệm, cấu trúc pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại Ngân hàng thương mại</b> .....	19
1.5.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại Ngân hàng thương mại.....	19
1.5.2. Cấu trúc pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại Ngân hàng thương mại.....	20
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	22
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CẦM CỔ CHỨNG KHOÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM</b> .....	23
<b>2.1. Trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng cầm cố chứng khoán tại Ngân hàng thương mại</b> .....	23
<b>2.2. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán tại Ngân hàng thương mại</b> ....	29
2.2.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cầm cố .....	30
2.2.2. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận cầm cố .....	34
2.2.3. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán .....	37

<b>2.3.</b>	<b>Nội dung của hợp đồng cầm cố chứng khoán tại Ngân hàng thương mại .....</b>	<b>39</b>
<b>2.4.</b>	<b>Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng cầm cố chứng khoán ....</b>	<b>43</b>
2.4.1.	Điều kiện về hình thức .....	43
2.4.2.	Điều kiện về nội dung .....	45
2.4.3.	Điều kiện về nghĩa vụ được bảo đảm .....	57
<b>2.5.</b>	<b>Hợp đồng cầm cố chứng khoán vô hiệu.....</b>	<b>57</b>
<b>2.6.</b>	<b>Giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán.....</b>	<b>60</b>
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>		<b>66</b>
<b>Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CẦM CỐ CHỨNG KHOÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM .....</b>		<b>67</b>
<b>3.1.</b>	<b>Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán .....</b>	<b>67</b>
<b>3.2.</b>	<b>Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán .....</b>	<b>70</b>
3.2.1.	Về trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng cầm cố chứng khoán ....	70
3.2.2.	Về quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán .....	71
3.2.3.	Về nội dung của hợp đồng cầm cố chứng khoán.....	74
3.2.4.	Về hợp đồng cầm cố chứng khoán vô hiệu .....	81
3.2.5.	Về giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán .....	82
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>		<b>84</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>		<b>85</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>		<b>87</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời với mức độ tăng trưởng đó nhu cầu vốn cần thiết cho nền kinh tế là rất lớn. Từ đó có thể khẳng định tín dụng ngân hàng trong giai đoạn hiện nay đã và đang còn tiếp tục là một kênh cung cấp vốn quan trọng cho nền kinh tế. Với vai trò là trung gian tài chính, hoạt động của các ngân hàng luôn đứng trước nguy cơ rủi ro mà chủ yếu là nguy cơ mất vốn, chính vì thế giải pháp cứu cánh hiện nay cho các ngân hàng là hầu hết khách hàng bắt buộc phải có tài sản đảm bảo nếu vay vốn ngân hàng.

Bảo đảm tiền vay bằng tài sản cầm cố, thế chấp là những ví dụ điển hình cho hiệu quả hoạt động bảo đảm tiền vay của ngân hàng. Ngày nay, nó càng trở nên thời sự hơn trong giai đoạn phát triển kinh tế mạnh mẽ của đất nước. Mục đích của đề tài này người nghiên cứu muốn đề cập đến hợp đồng cầm cố tài sản là chứng khoán- với tư cách là một loại tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ của khách hàng vay vốn tại các NHTM với mục đích giúp họ huy động nguồn vốn nhanh và hiệu quả. Cho dù việc cầm cố chứng khoán để vay tiền tại các NHTM là một giải pháp hữu hiệu, lợi ích là như vậy, tuy nhiên trên thực tế thì hoạt động cầm cố chứng khoán vẫn đang gặp phải một số vướng mắc nhất định, làm cho các bên tham gia giao kết hợp đồng còn e ngại khi xác lập. Do tài sản cầm cố ở đây là chứng khoán- là một loại tài sản có tính rủi ro cao, giá cả biến động theo diễn biến tình hình kinh tế xã hội, chỉ một tác động nhỏ của nền kinh tế cũng có thể làm cho giá trị của chúng bị ảnh hưởng. Vì vậy, mặc dù hoạt động này xuất hiện khá lâu, nhưng chưa phổ biến ở các TCTD Việt Nam hiện nay.

Chính lẽ đó, việc nghiên cứu pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM nhằm hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro phát sinh từ hợp đồng, đồng thời tạo điều kiện cho hợp đồng cầm cố chứng khoán phát

triển trong tương lai, và trên cơ sở đó có thể xem như là các tiền đề pháp lý cần được các nhà lập pháp nghiên cứu để tạo ra một khung pháp lý phù hợp với sự phát triển của thị trường chứng khoán và rộng hơn là của cả thị trường vốn Việt Nam.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Liên quan đến đề tài này, dưới góc độ nghiên cứu luật pháp, đã có một số công trình nghiên cứu sau đây:

- TS. Lê Thị Thu Thủy (2002), *Pháp luật về cầm cố tài sản vay vốn ngân hàng*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp (số 11).

- Đề tài nghiên cứu khoa học của nhóm nghiên cứu khoa học về: “*Một số kiến nghị nhằm triển khai và phát triển nghiệp vụ cầm cố chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam*”

- Đề tài “*Pháp luật về hoạt động cho vay đầu tư chứng khoán của ngân hàng thương mại ở Việt Nam*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, của tác giả Trần Mạnh Thường (2011).

- Đề tài “*Pháp luật về biện pháp bảo đảm bằng giấy tờ có giá trong hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, của tác giả Nguyễn Thị Nga (2011).

Các bài viết, công trình nghiên cứu trên đây mới chỉ đề cập tới biện pháp bảo đảm bằng cầm cố là tài sản nói chung và tài sản là giấy tờ có giá tại các ngân hàng và mô tả hoạt động cho vay để đầu tư chứng khoán tại các TCTD mà chưa đi sâu tới hoạt động cầm cố chứng khoán của các NHTM.

Trong phạm vi luận văn thạc sĩ, người viết sẽ cố gắng phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật hiện hành; so sánh ở mức tổng quan về những luận điểm khoa học đã được các tác giả, nhà nghiên cứu và kiểm định thực tế; đồng thời cũng cố gắng đưa ra được quan điểm cá nhân của mình để làm sáng rõ đề tài.

## **3. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn sẽ tập trung nghiên cứu pháp luật hiện hành điều chỉnh về bảo đảm tiền vay bằng cầm cố chứng khoán tại các NHTM ở Việt Nam đặt

trong mối quan hệ với pháp luật chứng khoán và các văn bản pháp lý chuyên ngành tài chính ngân hàng điều chỉnh hoạt động cho vay của các NHTM. Và trọng tâm vào hợp đồng cầm cố chứng khoán có sự tham gia của hai chủ thể: bên nhận cầm cố là NHTM và bên cầm cố là khách hàng vay vốn tại NHTM đó.

#### **4. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu những vấn đề về lý luận và thực trạng pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM, trên cơ sở đó thấy được những vướng mắc, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế đó, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu và thực hiện dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Bên cạnh đó tác giả còn vận dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp tổng hợp, so sánh, phân tích, thống kê các số liệu thực tế... để làm sáng tỏ các vấn đề của luận văn.

#### **6. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương sau:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

*Chương 2:* Thực trạng pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

*Chương 3:* Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

# *Chương 1*

## **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG CẦM CỐ CHỨNG KHOÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1.1. Khái niệm, đặc điểm cầm cố chứng khoán**

#### ***1.1.1. Khái niệm cầm cố chứng khoán***

Cho vay cầm cố chứng khoán là một nghiệp vụ cho vay trong hoạt động ngân hàng, theo đó *khách hàng chuyển giao chứng khoán cho ngân hàng để nhận tiền vay. Khi đáo hạn khách hàng trả nợ cho ngân hàng và nhận lại các chứng khoán đã cầm cố.*

#### ***1.1.2. Đặc điểm cầm cố chứng khoán***

Đối tượng của cầm cố là chứng khoán - thuộc loại tài sản vô hình - xác nhận quyền tài sản của một chủ thể xác định, trị giá được bằng tiền, có thể chuyển giao quyền sở hữu và chịu sự điều chỉnh của pháp luật chứng khoán.

Tài sản cầm cố phải được giao cho bên nhận cầm cố giữ. Việc giao tài sản cho bên nhận cầm cố giữ là nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của người có nghĩa vụ đối với người có quyền bằng việc nắm giữ thực tại tài sản cầm cố.

Bên nhận cầm cố sẽ được quyền ưu tiên thanh toán từ số tiền bán tài sản cầm cố, khi tài sản cầm cố được xử lý theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.

### **1.2. Vai trò của hoạt động cầm cố chứng khoán**

Vai trò của hoạt động cầm cố chứng khoán được thể hiện như sau:

*Trước tiên*, cầm cố chứng khoán là biện pháp bảo đảm tiền vay nhằm đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của khách hàng tại các NHTM.

*Hơn nữa*, hoạt động cầm cố chứng khoán tại NHTM tạo điều kiện kích thích hoạt động cho vay của NHTM nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn của khách hàng trong nền kinh tế thị trường.

*Ngoài ra*, cầm cố chứng khoán còn góp phần hạn chế rủi ro trong cho vay ngân hàng và bảo đảm sự an toàn cho hệ thống ngân hàng.



### **1.3. Khái niệm, đặc điểm hợp đồng cầm cố chứng khoán**

#### ***1.3.1. Khái niệm hợp đồng cầm cố chứng khoán***

Hợp đồng cầm cố chứng khoán là một giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dưới hình thức cầm cố. Hợp đồng cầm cố chứng khoán được xác lập nhằm bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ chính (nghĩa vụ trả tiền vay) được xác lập trước đó.

#### ***1.3.2. Đặc điểm hợp đồng cầm cố chứng khoán***

- Nghĩa vụ được bảo đảm trong hợp đồng cầm cố là nghĩa vụ trả tiền vay ở các TCTD, là nhằm để bảo đảm cho một nghĩa vụ là nghĩa vụ trả tiền vay của bên vay với mục đích đầu tư chứng khoán.

- Trong hợp đồng cầm cố chứng khoán đã niêm yết luôn có sự tham gia của các thành viên lưu ký chứng khoán – tham gia với tư cách là chủ thể của hợp đồng để thực hiện việc cầm cố hay nhận cầm cố chứng khoán hoặc tham gia với tư cách được đại diện theo ủy quyền của các bên trong hợp đồng cầm cố chứng khoán để thực hiện việc chuyển giao hoặc nhận chứng khoán cầm cố.

- Tài sản cầm cố là chứng khoán - một loại tài sản vô hình, mặc dù chúng hiện diện dưới một tờ cổ phiếu hay trái phiếu (là bằng chứng xác nhận sự tồn tại của chứng khoán trên thực tế) nhưng bản thân tồn tại vật chất đó không được xem là tài sản.

- Đối với chứng khoán niêm yết thì bên giữ tài sản ở đây không phải là bên nhận cầm cố mà là TTLKCK thông qua các thành viên lưu ký, chứng khoán phải được lưu ký tập trung tại TTLKCK theo quy định của Luật Chứng khoán.

### **1.4. Các chủ thể tham gia hợp đồng cầm cố chứng khoán**

#### ***1.4.1. Bên cầm cố***

Bên cầm cố trong hợp đồng cầm cố chứng khoán là chủ sở hữu chứng khoán, đồng thời cũng là bên có nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng (khách hàng vay vốn).

### ***1.4.2. Bên nhận cầm cố***

Với tư cách là bên nhận cầm cố chứng khoán, thì các NHTM là bên có quyền trong quan hệ nghĩa vụ bảo đảm tiền vay, và khi tham gia vào giao dịch cầm cố (giao dịch bảo đảm) đối với hợp đồng tín dụng phải có đủ các điều kiện để có thể giao kết hợp đồng cầm cố.

Ngoài hai chủ thể nêu trên là bên cầm cố và bên nhận cầm cố thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tham gia với tư cách là chủ thể hỗ trợ cho hợp đồng cầm cố chứng khoán.

## **1.5. Khái niệm, cấu trúc pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM**

### ***1.5.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM***

Pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán là một bộ phận của pháp luật về giao dịch bảo đảm, điều chỉnh những mối quan hệ phát sinh giữa bên nhận cầm cố chứng khoán (NHTM cho vay) và bên cầm cố chứng khoán (khách hàng vay vốn - nhà đầu tư chứng khoán). Pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh về chủ thể; điều kiện; nội dung; trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng; quyền và nghĩa vụ của chủ thể trong hợp đồng cầm cố chứng khoán... Các quy phạm này đã tạo điều kiện cho các chủ thể thực hiện đầu tư chứng khoán hiệu quả hơn, trên cơ sở đó góp phần thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của thị trường chứng khoán.

### ***1.5.2. Cấu trúc pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM***

Cấu trúc pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán bao gồm: các quy định về trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia thực hiện hợp đồng; nội dung của hợp đồng; điều kiện có hiệu lực của hợp đồng; giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong phạm vi của chương 1, người viết đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản nhất về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, người viết đưa ra được khái niệm, đặc điểm của cầm cố chứng khoán; Vai trò của hoạt động cầm cố chứng khoán; Và đặc biệt đi sâu làm rõ khái niệm, đặc điểm của hợp đồng cầm cố chứng khoán và các chủ thể tham gia hợp đồng cầm cố chứng khoán đồng thời trình bày khái niệm, cấu trúc pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM.

### *Chương 2*

## **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CẦM CỐ CHỨNG KHOÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM**

### **2.1. Trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM**

Trên thực tế, khi giao kết hợp đồng cầm cố chứng khoán các NHTM sẽ tiến hành các bước như:

- Công bố danh mục chứng khoán cầm cố cho khách hàng;
- Xem xét hồ sơ cầm cố của khách hàng;
- Tiến hành việc định giá chứng khoán;
- Thỏa thuận các điều khoản cơ bản của hợp đồng, và kí kết hợp đồng.

### **2.2. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM**

Chủ thể của hợp đồng cầm cố chứng khoán là các bên tham gia vào quan hệ hợp đồng cầm cố, có các quyền và nghĩa vụ theo quan hệ đó, bao gồm bên nhận cầm cố và bên cầm cố. Ngoài ra, trong hợp đồng cầm cố chứng khoán đã niêm yết bên nhận cầm cố chứng khoán không trực tiếp nắm giữ chứng khoán cầm cố, mà chứng khoán cầm cố sẽ được giao cho một chủ thể khác lưu giữ, do vậy các bên trong hợp đồng cầm cố chứng

khoán sẽ xuất hiện thêm một chủ thể nữa đó là TTLKCK, đóng vai trò lưu giữ chứng khoán cầm cố.

### ***2.2.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cầm cố***

#### ***Nghĩa vụ của bên cầm cố***

Theo quy định tại Điều 330 BLDS 2005 thì bên cầm cố có nghĩa vụ sau đây: Trong hợp đồng cầm cố thì nghĩa vụ quan trọng nhất mà bên cầm cố phải thực hiện, là giao tài sản cho bên nhận cầm cố theo đúng thỏa thuận. Ngoài nghĩa vụ giao chứng khoán cho bên nhận cầm cố, thì bên cầm cố chứng khoán còn phải thực hiện một số nghĩa vụ khác như: chuyển giao quyền sở hữu chứng khoán cho bên nhận cầm cố, trong trường hợp xử lý chứng khoán cầm cố để thanh toán nợ; bảo vệ cho bên nhận cầm cố trong trường hợp chứng khoán đem cầm cố có tranh chấp về quyền sở hữu; phải thanh toán chi phí hợp lý để lưu ký và quản lý chứng khoán trong thời gian cầm cố cho bên lưu ký và quản lý chứng khoán cầm cố, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Đây cũng chính là những nghĩa vụ đặc trưng trong hợp đồng cầm cố chứng khoán theo quy định của BLDS 2005.

#### ***Quyền của bên cầm cố***

Điều 331 BLDS 2005 đã quy định quyền của bên cầm cố như sau: Yêu cầu bên nhận cầm cố đình chỉ việc sử dụng tài sản cầm cố nhằm mục đích khai thác công dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức, nếu do sử dụng mà tài sản cầm cố có nguy cơ mất giá trị hoặc giảm sút giá trị.

Bên cầm cố được quyền bán hoặc thay thế tài sản cầm cố, nếu được bên nhận cầm cố đồng ý hoặc các bên đã có thỏa thuận. Xuất phát từ hợp đồng ưng thuận nên các bên có thể thỏa thuận tất cả các điều khoản mà các bên thấy cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng, tuy nhiên các điều khoản đó không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Quyền yêu cầu bên nhận cầm cố giữ tài sản cầm cố, trả lại tài sản cầm cố khi nghĩa vụ bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc yêu cầu bên nhận cầm cố bồi thường thiệt hại xảy ra đối với tài sản cầm cố. Riêng đối với hợp đồng cầm cố chứng khoán, bên cầm cố sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ sẽ đề nghị bên nhận cầm cố trả lại chứng khoán cầm cố.

## ***2.2.2. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận cầm cố***

### ***Nghĩa vụ của bên nhận cầm cố***

Tại Điều 332 BLDS có quy định về nghĩa vụ của bên nhận cầm cố như sau: Nếu bên cầm cố có nghĩa vụ giao tài sản thì tương ứng với nó bên nhận cầm cố sẽ thực hiện quyền nhận tài sản của mình nhưng đi cùng với quyền nhận tài sản đó, bên nhận cầm cố phải có nghĩa vụ bảo quản, giữ gìn tài sản cầm cố; nếu làm mất hoặc hư hỏng tài sản cầm cố thì phải bồi thường thiệt hại cho bên cầm cố.

Bên nhận cầm cố phải trả lại tài sản cầm cố khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác. Đây là nghĩa vụ sau cùng mà bên cầm cố phải thực hiện trong hợp đồng cầm cố. Thời điểm trả lại tài sản do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận, thì thời điểm giao trả tài sản cầm cố là lúc nghĩa vụ được bảo đảm bằng cầm cố chấm dứt hoặc được thay thế. Tài sản có thể được trao trả trực tiếp thông qua hình thức giao nhận vật chất hoặc trao trả các giấy tờ chứng nhận.

### ***Quyền của bên nhận cầm cố***

Theo quy định của BLDS 2005 thì bên nhận cầm cố có quyền yêu cầu người chiếm hữu trái pháp luật tài sản cầm cố trả lại tài sản đó; yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo phương thức đã thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ; được khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận; được thanh toán chi phí hợp lý bảo quản tài sản cầm cố khi trả lại tài sản cho bên cầm cố.

## ***2.2.3. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán***

Ngoài hai chủ thể phải có của một hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định của luật, thì trong hợp đồng cầm cố chứng khoán còn bắt buộc phải có thêm một chủ thể, đó là TTLKCK. Chủ thể này sẽ thực hiện việc giữ và quản lý chứng khoán cầm cố thay cho bên nhận cầm cố khi nhận cầm cố chứng khoán.

### ***Nghĩa vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán***

Theo quy định tại Luật Chứng khoán 2006, sửa đổi bổ sung 2010 thì nghĩa vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là: TTLKCK có trách nhiệm xử lý hồ sơ cầm cố hoặc giải tỏa cầm cố chứng khoán trong vòng một ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của các bên trong hợp đồng cầm cố gửi đến.

### ***Quyền của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán***

TTLKCK có quyền cung cấp các dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và các dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Có quyền yêu cầu thành viên lưu ký kiểm tra tính chính xác của loại chứng khoán tự do chuyển nhượng đối với các chứng khoán mà nhà đầu tư đề nghị cầm cố.

### **2.3. Nội dung của hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM**

Mỗi NHTM có một mẫu hợp đồng khác nhau nhưng nhìn chung, các hợp đồng này bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

*Chủ thể của hợp đồng:* đây là điều khoản không thể thiếu. Là các bên tham gia vào quan hệ hợp đồng cầm cố, có quyền và nghĩa vụ theo quan hệ đó, bao gồm: bên nhận cầm cố và bên cầm cố.

*Nghĩa vụ được bảo đảm:* là một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay (bao gồm tiền vay, lãi vay, lãi quá hạn, cá khoản phí nếu có) của bên vay (bên cầm cố) đối với bên cho vay (bên nhận cầm cố) mà việc thực hiện nghĩa vụ đó được bảo đảm bằng hợp đồng cầm cố, được ghi trong hợp đồng tín dụng mà khách hàng vay phải trả theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận lãi vay, lãi quá hạn, các khoản phí nếu có không thuộc phạm vi bảo đảm nghĩa vụ.

*Mô tả tài sản cầm cố:* là những đặc điểm và tình trạng của chứng khoán tại thời điểm cầm cố (Tên chứng khoán, nơi phát hành; số, kí hiệu; ngày phát hành; mệnh giá...)

*Giá trị của tài sản cầm cố:* là giá trị của tài sản cầm cố tại thời điểm ký Hợp đồng này, có thể là giá trị được xác định theo biên bản định giá giữa các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

*Bên giữ tài sản cầm cố:* các bên có thể thỏa thuận chứng khoán cầm cố do ngân hàng giữ hoặc do người thứ ba giữ.

*Thời hạn cầm cố:* là khoảng thời gian xác định kể từ ngày ký hợp đồng này cho đến khi bên cầm cố thực hiện xong các nghĩa vụ của mình đối với bên nhận cầm cố. Hoặc là một khoảng thời gian nào đó do các bên thỏa thuận.

*Giá xử lý:* là mức giá chứng khoán làm căn cứ để xử lý tài sản cầm cố, khi mức giá chứng khoán giảm xuống bằng hoặc dưới mức giá xử lý này thì ngân hàng cho vay có quyền được xử lý tài sản đảm bảo theo những quy định ghi trong hợp đồng tín dụng.

*Điều khoản quy định quyền và nghĩa vụ của các bên:* quyền và nghĩa vụ của bên cầm cố và bên nhận cầm cố sẽ được ghi nhận cụ thể trong hợp đồng (như đã phân tích ở phần trên).

*Điều khoản xử lý tài sản cầm cố:* quy định về các trường hợp xử lý tài sản cầm cố.

*Điều khoản giải quyết tranh chấp:* là điều khoản thể hiện sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng về việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp nếu phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

*Các điều khoản thỏa thuận khác.*

## **2.4. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng cầm cố chứng khoán**

### **2.4.1. Điều kiện về hình thức**

Theo quy định của pháp luật, thì việc cầm cố phải được lập thành văn bản, có thể lập thành văn bản riêng hoặc ghi trong hợp đồng chính. Điều đó thể hiện rằng mọi hợp đồng cầm cố trong đó có hợp đồng cầm cố chứng khoán phải tuân thủ về điều kiện hình thức, nếu không sẽ không có hiệu lực pháp luật.

### **2.4.2. Điều kiện về nội dung**

#### **2.4.2.1. Điều kiện về chủ thể**

❖ *Bên cầm cố:* Như đã phân tích ở chương 1, người sở hữu chứng khoán trên thị trường là các nhà đầu tư. Nhà đầu tư sẽ trở thành một bên

của hợp đồng cầm cố chứng khoán nếu họ dùng chứng khoán thuộc quyền sở hữu của mình đem cầm cố và được gọi là bên cầm cố chứng khoán. Nhưng, nếu đây là hợp đồng cầm cố chứng khoán đã niêm yết, nên bên cầm cố chứng khoán trong trường hợp này nếu không đồng thời là thành viên lưu ký, thì họ phải ủy quyền cho các thành viên lưu ký, nơi chứng khoán của họ được lưu ký để thực hiện việc yêu cầu TTLKCK chuyển chứng khoán vào tài khoản cầm cố cho bên nhận cầm cố.

❖ *Bên nhận cầm cố*: Trong hợp đồng cầm cố tài sản, bên nhận cầm cố có thể là cá nhân hoặc tổ chức có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Về chủ thể thì không hạn chế, chỉ cần có nghĩa vụ phát sinh cần được bảo đảm thì có thể xác lập hợp đồng cầm cố, và mục đích của việc cầm cố cũng không bị hạn chế nếu không xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước hoặc lợi ích cộng đồng.

#### *2.4.2.2. Điều kiện về đối tượng của hợp đồng cầm cố chứng khoán* *Các loại chứng khoán cầm cố*

Chứng khoán được cầm cố bao gồm các loại chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Chứng khoán, kể cả cổ phiếu, trái phiếu của công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán

*Điều kiện đối với cổ phiếu*: hầu hết các loại cổ phiếu đều được tự do chuyển nhượng cũng như được thực hiện các dịch vụ có liên quan trong đó có cầm cố. Nhưng vẫn có một số loại cổ phiếu không được chuyển nhượng hoặc bị hạn chế chuyển nhượng, do vậy mà việc cầm cố cổ phiếu đó cũng không được chấp nhận.

*Điều kiện đối với trái phiếu*: khác với cổ phiếu, trái phiếu là phần vốn nợ mà tổ chức phát hành sẽ cam kết trả (cả vốn và lãi) trong một thời gian xác định, tính rủi ro thấp, hệ số an toàn cho loại chứng khoán này là rất cao.

*Điều kiện đối với chứng chỉ quỹ*: việc sở hữu chứng chỉ quỹ cũng tương tự như việc sở hữu cổ phiếu phổ thông, nhưng chỉ khác ở chỗ người nắm giữ chứng chỉ quỹ sẽ không được quyền tham gia biểu quyết hay quản



lý công ty. Người sở hữu chứng chỉ quỹ được thực hiện tất cả các giao dịch, nên việc cầm cố chứng chỉ quỹ cho các NHTM cũng được thực hiện.

*Điều kiện về số lượng chứng khoán cầm cố:* số lượng chứng khoán đem cầm cố tùy thuộc vào từng nghĩa vụ cần được bảo đảm có giá trị lớn hay nhỏ, mệnh giá chứng khoán đem cầm cố được định giá cao hay thấp, mà bên nhận cầm cố sẽ yêu cầu bên cầm cố dùng một số lượng chứng khoán vừa đủ để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ.

*Điều kiện về thẩm định, xác định giá chứng khoán cầm cố:* Một loại tài sản bất kỳ nào khi được nhận làm tài sản bảo đảm tại các TCTD cũng phải trải qua việc thẩm định và xác định giá trị. Thông qua việc thẩm định và xác định giá trị đó, thì các TCTD mới biết được tài sản đem bảo đảm đó có thuộc quyền sở hữu hoặc định đoạt của bên bảo đảm không, có được phép lưu thông không, có bị tranh chấp hay không...tức là thẩm định tính hợp pháp của nó, và xác định có đủ điều kiện về giá trị để bảo đảm cho một nghĩa vụ hay không.

*2.4.2.3. Điều kiện bổ sung chứng khoán và tài sản khi giá chứng khoán sụt giảm*

Chứng khoán là một loại tài sản, mà giá trị của chúng có thể thay đổi theo thị trường, và sự thay đổi đó sẽ dẫn đến hai trường có thể xảy ra như sau:

Trường hợp nếu giá chứng khoán cầm cố trên thị trường tăng lên, làm giá trị chứng khoán cầm cố gia tăng so với thời điểm định giá gần nhất của bên nhận cầm cố. Việc giá trị chứng khoán cầm cố tăng lên trong trường hợp này sẽ không ảnh hưởng gì đến khả năng bảo đảm cho nghĩa vụ chính, mà còn tăng thêm phần củng cố lòng tin cho bên nhận cầm cố trong việc thực hiện nghĩa vụ của bên cầm cố.

Nhưng trong trường hợp, khi giá chứng khoán cầm cố trên thị trường giảm sút, điều này khiến giá trị chứng khoán cầm cố giảm xuống so với thời điểm định giá gần nhất của bên nhận cầm cố, ngay lúc này khả năng bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ đó của tài sản bảo đảm trở nên mong manh hơn.

### **2.4.3. Điều kiện về nghĩa vụ được bảo đảm**

Đối với hợp đồng cầm cố nói chung thì mục đích của chúng là nhằm bảo đảm cho việc thực hiện một nghĩa vụ nào đó, có thể là trả tiền, giao hàng, hoặc là để bảo đảm cho bên có nghĩa vụ làm một công việc nhất định. Nhưng xét riêng tới hợp đồng cầm cố chứng khoán, thì theo quy định của Quyết định 03 chỉ nhằm mục đích để bảo đảm cho nghĩa vụ trả tiền vay từ hợp đồng vay tiền tại các TCTD để đầu tư chứng khoán. Vậy, có thể nói rằng, điều kiện về nghĩa vụ được bảo đảm trong hợp đồng cầm cố chứng khoán chỉ có thể là nghĩa vụ trả tiền vay từ hợp đồng vay tiền để đầu tư chứng khoán.

### **2.5. Hợp đồng cầm cố chứng khoán vô hiệu**

Khi hợp đồng cầm cố chứng khoán bị xác định là vô hiệu thì không làm phát sinh hiệu lực của biện pháp bảo đảm và dẫn đến xử lý tài sản theo quy định về giao dịch vô hiệu theo quy định tại BLDS 2005: “*Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận*”

Hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM với bản chất là một biện pháp thực hiện nghĩa vụ bảo đảm tiền vay, được coi là một phần không tách rời của hợp đồng tín dụng, nhưng nó vẫn có giá trị độc lập tương đối. Điều này khẳng định biện pháp bảo đảm là một biện pháp gắn với hợp đồng, là một phần của hợp đồng hoặc được thể hiện bằng một hợp đồng riêng.

Quy định trên đã khẳng định rõ trong trường hợp hợp đồng bảo đảm bị vô hiệu sẽ không kéo theo sự vô hiệu của nghĩa vụ chính, không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ chính. Và ngược lại, hợp đồng chính vô hiệu không kéo theo sự vô hiệu của hợp đồng phụ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

### **2.6. Giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán**

Quan hệ tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cầm cố chứng khoán có một số đặc trưng sau đây: tranh chấp đó cụ thể là những mâu thuẫn bất

đồng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong mỗi quan hệ vay vốn có biện pháp bảo đảm tiền vay bằng tài sản là chứng khoán, nảy sinh khi một bên có hành vi vi phạm nghĩa vụ hoặc các điều khoản trong hợp đồng; Những mâu thuẫn đó, phát sinh từ hợp đồng cầm cố chứng khoán;

Tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán do nhiều nguyên nhân khác nhau, có thể là những nguyên nhân liên quan trực tiếp tới đối tượng tài sản bảo đảm là chứng khoán như: việc xác định giá trị của chứng khoán, hay việc xử lý chứng khoán... Mặt khác, vì hợp đồng cầm cố là hợp đồng bảo đảm tiền vay bằng tài sản tại các NHTM là hợp đồng kèm theo hợp đồng tín dụng, nên tranh chấp về hợp đồng này thường có liên quan từ hợp đồng tín dụng được bảo đảm. Do vậy, khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng cầm cố chứng khoán đồng thời cũng phải xem xét đến hợp đồng tín dụng.

Khi phát sinh tranh chấp, các bên liên quan sẽ tìm kiếm một cơ chế giải quyết tranh chấp phù hợp nhất. Những tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM với mục đích bảo đảm cho hợp đồng vay vốn đầu tư chứng khoán thuộc loại tranh chấp kinh doanh thương mại nên có thể lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp là thương lượng, hòa giải, giải quyết vụ việc tại trọng tài thương mại hoặc tòa án.

Pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về giải quyết tranh chấp về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM. Các tranh chấp này phải tuân theo những quy định chung của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp trong Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung 2011, luật trọng tài thương mại năm 2010.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong phạm vi chương 2, người viết nghiên cứu về thực trạng pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM ở Việt Nam hiện nay. Trình bày được trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng cầm cố chứng khoán, các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia

thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán cũng như nội dung của hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM, các vấn đề về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng cầm cố chứng khoán, hợp đồng cầm cố chứng khoán vô hiệu, và giải quyết tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán. Qua đó, có thể thấy, pháp luật hiện hành cũng đã có sự điều chỉnh đối với quan hệ hợp đồng cầm cố chứng khoán nhưng trong thực tiễn vẫn còn nhiều bất cập, khiếm khuyết và lợi ích của các bên trong hợp đồng cầm cố chứng khoán chưa thực sự được đảm bảo. Thực tiễn pháp luật và áp dụng pháp luật chính là cơ sở quan trọng để người viết đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM được nêu ở nội dung của chương 3.

### *Chương 3*

## **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG CẦM CỐ CHỨNG KHOÁN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán**

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán cần tuân thủ định hướng chủ yếu sau đây:

*Một là*, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán phải gắn với việc khẳng định BLDS là đạo luật điều chỉnh chung nhất các quan hệ hợp đồng; Điều đó có nghĩa là quan hệ hợp đồng cầm cố chứng khoán trước hết cần phải được hoàn thiện thông qua việc thiết lập các quy định chung về giao dịch cầm cố trong BLDS hiện hành. Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan chỉ quy định quan hệ hợp đồng cầm cố chứng khoán và giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật cụ thể nhưng phải đảm bảo thống nhất, phù hợp với những quy định về bảo đảm trong BLDS.

*Hai là*, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán phải được đặt trong phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nói chung, theo đó cần tăng cường hơn nữa tính tự chủ, quyền tự do cam kết thỏa thuận của các bên, kết hợp với việc đề cao nguyên tắc tự chịu trách nhiệm của các bên về quyết định của mình trong quan hệ bảo đảm. Từ đó, tạo điều kiện cho các bên tham gia giao dịch cầm cố chứng khoán có thể chủ động hơn, linh hoạt hơn khi giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế mà pháp luật không dự liệu hết được.

*Ba là*, việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM cần được chú ý đến định hướng, chính sách trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong giao dịch tín dụng ngân hàng, các bên tham gia quan hệ bảo đảm, nhất là bảo vệ quyền lợi của các bên có nghĩa vụ.

*Bốn là*, việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM phải đảm bảo được nhu cầu của bên vay vốn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng, cũng như bảo đảm sự an toàn trong hoạt động của các NHTM.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán**

#### ***3.2.1. Về trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng cầm cố chứng khoán***

Trên thực tế mỗi TCTD lại có một trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng cầm cố chứng khoán riêng phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức đó. Điều này đã dẫn đến tình trạng không thống nhất và gây khó khăn cho bên vay và bên cầm cố khi họ bị “loạn”, “rối” thủ tục, vì họ phải chạy theo quy trình của các TCTD. Tình trạng này chỉ chấm dứt khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định, hướng dẫn về cách thức, trình tự giao kết hợp đồng bảo đảm là chứng khoán. Mặt khác, pháp luật cũng nên đưa ra cơ sở pháp lý mang tính nguyên tắc, định hướng cho hoạt động này đi đúng hướng, và chú trọng tới việc ban hành các quy định tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn về mặt pháp lý về các vấn đề liên quan trong hợp đồng cầm cố chứng khoán.

### ***3.2.2. Về quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán***

Một hợp đồng dân sự hay thương mại thông thường, thì các chủ thể khi tham gia quan hệ hợp đồng đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các bên. Về bản chất của hợp đồng cầm cố chứng khoán là hợp đồng ưng thuận, nhưng trong trường hợp này bên cầm cố chứng khoán đóng vai trò là bên đi vay vì họ đang cần vốn để đầu tư, vì lẽ đó họ có thể thiệt thòi hơn trong việc thỏa thuận các điều khoản hợp đồng. Lý do đó đã lý giải phần nào trong hợp đồng cầm cố chứng khoán tính ưng thuận có lẽ chưa được trọn vẹn.

### ***3.2.3. Về nội dung của hợp đồng cầm cố chứng khoán***

#### ***Về việc xác định giá trị và loại chứng khoán nhận cầm cố***

Để giảm thiểu được rủi ro trong hợp đồng cầm cố chứng khoán, thì khi nhận cầm cố chứng khoán các ngân hàng chỉ cần thận trọng trong việc định giá chứng khoán cầm cố, căn cứ vào giá trị của chứng khoán mà ngân hàng sẽ chấp nhận một hạn mức cho vay nhất định. Thêm nữa các ngân hàng còn có quyền thỏa thuận với bên cầm cố các biện pháp xử lý, củng cố giá trị của chứng khoán bảo đảm, khi giá chứng khoán cầm cố giảm. Một khi các ngân hàng cho vay cầm cố chứng khoán thực hiện nghiêm túc giải pháp trên, thì rủi ro sẽ giảm và tạo điều kiện cho các loại chứng khoán trên thị trường khi đáp ứng các điều kiện giao dịch được nhận cầm cố nhiều hơn so với những hạn chế hiện nay.

#### ***Về mục đích sử dụng vốn vay***

Quy định về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có ý nghĩa thực tiễn đối với những trường hợp vay vốn bằng tín chấp, vì bên bảo lãnh cho nghĩa vụ vay chỉ dựa vào uy tín của họ là chủ yếu, chính vì vậy khi bên vay không sử dụng vốn vay đúng mục đích, thì việc bên cho vay khó thu hồi nợ là điều không tránh khỏi. Còn đối với hợp đồng cầm cố chứng khoán để vay vốn, khi căn cứ vào bản chất của hợp đồng, do đây là một nghĩa vụ có bảo đảm bằng cầm cố chứng khoán, việc cho vay của các

TCTD được xác lập bằng hợp đồng tín dụng, nên bên cho vay có quyền thỏa thuận việc xử lý chứng khoán cầm cố trước khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ. Ngoài ra, việc cho vay mà nhằm mục đích để đầu tư chứng khoán – được đánh giá là có tính rủi ro, nên khi bên vay không sử dụng tiền vay vào đầu tư chứng khoán mà lại dùng cho mục đích khác thì có thể thấy là an toàn hơn so với việc đầu tư chứng khoán.

#### *Về xử lý chứng khoán cầm cố*

Trong hợp đồng cầm cố chứng khoán pháp luật nên quy định các bên trong hợp đồng cầm cố chứng khoán, phải thỏa thuận điều khoản về xử lý chứng khoán, thời điểm xử lý, thanh lý hợp đồng và chấm dứt cầm cố một cách cụ thể và chi tiết. Đồng thời phải xác định điều khoản ấy là điều khoản cơ bản làm cho hợp đồng phát sinh hiệu lực, nếu một hợp đồng cầm cố mà thiếu đi các điều khoản đó thì sẽ không có hiệu lực, có như vậy, khi xác lập hợp đồng cầm cố chứng khoán các bên sẽ lưu tâm hơn về những hệ quả có thể xảy ra sau này, thay vì bên cầm cố chỉ quan tâm đến lãi suất và hạn mức vay, thời hạn cho vay, còn bên nhận cầm cố thì lại chỉ tìm cách hạn chế rủi ro và lợi nhuận cho mình, điều đó mới đảm bảo được tối đa quyền và lợi ích của các bên khi xác lập hợp đồng trong quan hệ cầm cố chứng khoán.

#### **3.2.4. Về hợp đồng cầm cố chứng khoán vô hiệu**

Ngoài những quy phạm về hợp đồng vô hiệu được ghi nhận trong văn bản pháp luật, cần phải có một loại quy phạm đặc biệt gắn gũi với thực tế đời sống. Đó chính là những quy phạm được các thẩm phán thiết lập qua quá trình áp dụng pháp luật giải quyết các vụ án về hợp đồng bảo đảm. Những quy phạm này cần được xem là một nguồn quy phạm bổ sung trong quá trình áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án về hợp đồng cầm cố chứng khoán vô hiệu.

Để bảo đảm một hợp đồng cầm cố chứng khoán bị tuyên vô hiệu chính xác, bảo vệ được quyền lợi của các bên tham gia hợp đồng và bảo vệ được trật tự công, thì trình độ chuyên môn và lương tâm của các thẩm phán cần

phải đảm bảo các yêu cầu đặt ra. Đồng thời thẩm phán cần phải chịu trách nhiệm về các bản án, quyết định tuyên bố hợp đồng vô hiệu của mình.

Một hệ thống tư pháp thật sự độc lập, đáng tin cậy sẽ góp phần giúp cho việc tuyên bố hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM vô hiệu được chính xác, đảm bảo được các quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng và những có liên quan khác.

### ***3.2.5. Về giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chứng khoán***

Sự việc trên xuất phát từ tính kịp thời trong việc giải quyết tranh chấp liên quan đến chứng khoán là một loại tài sản có giá trị luôn biến động từng ngày theo thị trường, nếu tranh chấp được giải quyết bằng con đường toà án thì sẽ mất rất nhiều thời gian, theo quy trình thủ tục tố tụng chung khi mà pháp luật chưa có quy định về thủ tục giải quyết rút gọn dành riêng cho loại tranh chấp này. Vì vậy, cần bổ sung và hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp về cầm cố chứng khoán tại NHTM ở Việt Nam. Có thể xác định chính xác các tranh chấp về cầm cố chứng khoán và phân loại chúng.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Trên đây là một số kiến nghị mà người viết đưa ra dựa trên cơ sở tìm hiểu, đánh giá các quy định của pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán khi được áp dụng trên thực tế. Để có thể có được một hệ thống pháp luật hoàn thiện, có thể triển khai và áp dụng một cách thống nhất, có hiệu quả trong thực tiễn là một điều không hề dễ dàng không chỉ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng mà trong mọi mặt của đời sống kinh tế- xã hội nói chung. Do vậy bên cạnh những kiến nghị, giải pháp được đưa ra, cần phải hoàn thiện cơ chế áp dụng và thực thi pháp luật chung, không ngừng cải cách hành chính, tạo ra cơ chế hoạt động linh hoạt, nhanh chóng và có hiệu quả, tránh tình trạng các quy định đặt ra chỉ nằm trên giấy tờ và không thể áp dụng trong thực tiễn, gây khó khăn cho các NHTM và khách hàng.



## KẾT LUẬN

Cầm cố chứng khoán là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay tại các NHTM. Việc cho vay bằng cầm cố chứng khoán ngày càng trở nên phổ biến để phát triển hoạt động kinh doanh. Cùng với sự phát triển của thị trường chứng khoán thì sự xuất hiện của nghiệp vụ cho vay đầu tư bằng hình thức cầm cố chứng khoán đã giải quyết đáng kể nhu cầu vay vốn để tận dụng cơ hội đầu tư; kịp thời bổ sung vốn cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. Qua đó còn góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của thị trường chứng khoán.

Bên cạnh những lợi ích thiết thực mà hợp đồng cầm cố chứng khoán mang lại cho các chủ thể tham gia hợp đồng, thì trong thực tế, pháp luật hiện hành quy định về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM còn rất sơ sài, vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đầy đủ, pháp luật quy định còn chung chung, chưa rõ ràng, nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ, không phù hợp với yêu cầu thực tiễn của hoạt động cầm cố chứng khoán trong nền kinh tế thị trường của nước ta.

Nhận thức được tầm quan trọng của hợp đồng cầm cố chứng khoán đối với hoạt động của các NHTM cũng như đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn để đầu tư chứng khoán, trong phạm vi luận văn này, người viết tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán, cũng như tập trung làm rõ hệ thống văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh vấn đề này; đồng thời phân tích thực trạng, từ đó thấy được những thuận lợi cũng như khó khăn, vướng mắc, bất cập khi áp dụng những quy định này vào thực tiễn hoạt động tại các NHTM ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, người viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại các NHTM.

Mặc dù người viết đã cố gắng để có thể nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống về vấn đề pháp luật về hợp đồng cầm cố chứng khoán tại NHTM, nhưng do những nguyên nhân khách quan và trình độ lý luận còn

hạn chế, khả năng nhận thức còn non trẻ đặc biệt là những trải nghiệm thực tế trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán nên không tránh khỏi những khiếm khuyết. Vì vậy mà người viết mong nhận được những ý kiến phản biện và sự góp ý quý báu từ phía thầy cô, các bạn, và độc giả để luận văn có chất lượng tốt hơn.